

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2022/KDTM-PT**

Ngày: 22/12/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Lý.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Quang Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2022/TLPT- KDTM ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c 1 Thái Nguyên (gọi tắt là Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên);

Địa chỉ: Tổ 13, phường C G, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn B - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty (Vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1963 - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty .
Địa chỉ: Tổ 13, phường C G, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (Ông Thăng có mặt)

2. Bà Lương Trần Hương D, sinh năm 1994. Địa chỉ: K89, H M T, phường T P, quận H C, TP Đà Nẵng (Bà Diễm có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T1 - Luật sư Công ty Luật TNHH Lê Nguyễn tại Đà Nẵng (Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 (gọi tắt là Công ty Thép Toàn T2).
Địa chỉ: Khu B, Khu Công nghiệp S C 1 - phường B Q, thành phố S C, tỉnh Thái Nguyên;

* Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn M - Chức vụ: Giám đốc Công ty (Có mặt);

* Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ T3 - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Công ty

2. Bà Phan Thu D2- Trợ lý giám đốc Công ty

3. Ông Nguyễn Văn H - Trưởng Phòng Kỹ thuật luyện kim, Công ty Cổ phần Thép Toàn T2;

(Bà Thúy có đơn xin xét xử vắng mặt, bà D2 và ông H có mặt)

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H1 - Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư T H - N C - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Ngày 18/12/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c 1 Thái Nguyên ký Hợp đồng mua bán số 18/12-2014/VCMG - TT với Công ty Cổ phần Thép Toàn T2, bán cho Công ty Thép Toàn T2 mặt hàng: Gạch MgO-C MT 14A sử dụng cho 01 đời lò LF với số lượng tạm tính là 10,305 tấn, giá 16.300.000 đồng/ tấn. Số lượng trên là số lượng tạm tính, còn Công ty Thép Toàn T2 sẽ thanh toán cho Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên theo trọng lượng, số lượng thực tế giao nhận. Ngày 23/12/2014, Công ty Vật liệu c 1 đã xuất hóa đơn số 0000881 và giao hàng theo Hợp đồng số 18/12-2014/VCMG - TT ngày 18/12/2014 với số lượng hàng là 9,020 tấn, đơn giá 16.300.000 đồng/ tấn. Tổng giá trị của đơn hàng là 161.728.600 đồng. Ngày 15/04/2015, Công ty Vật liệu c 1 ký Hợp đồng mua bán số 15/4-2015/VCMG - TT với Công ty Thép Toàn T2, bán cho Công ty Thép Toàn T2 mặt hàng: Gạch MgO-C MT 14A sử dụng cho 01 đời lò IF với số lượng tạm tính là 2,952 tấn, giá 16.300.000 đồng/ tấn. Số lượng trên là số lượng tạm tính còn Công ty Thép Toàn T2 sẽ thanh toán cho Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên theo trọng lượng, số lượng thực tế giao nhận. Ngày 22/04/2015, Công ty Vật liệu c 1 đã xuất hóa đơn số 0001231 và giao hàng theo hợp đồng số 15/4-2015/VCMG - TT ngày 15/4/2015 với số lượng hàng là 2,878 tấn, đơn giá 16.300.000 đồng/ tấn. Tổng giá trị của đơn hàng là 51.602.540 đồng. Ngày 13/04/2017, đại diện Công ty Thép Toàn T2 ký xác nhận đối chiếu công nợ phát sinh từ 02 hóa đơn số 0000881 và 0001231 là: 213.331.149 đồng.

Ngày 05/12/2014, Công ty Vật liệu c 1 ký Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN với Công ty Thép Toàn T2 về việc Công ty Vật liệu c 1 bán cho Công ty Thép Toàn T2 mặt hàng: Gạch chịu lửa cao nhôm AL₂O₃:> 55% với giá 6.700.000 đồng/ tấn và gạch chịu lửa cao nhôm AL₂O₃:>70% với giá 8.900.000 đồng/ tấn; gạch chịu lửa samot A: AL₂O₃ -> 42% (trong đó: Loại G4, G6, H20, H21 với giá 3.800.000 đồng/ tấn và gạch sao 12 lô AL₂O₃:>70% với giá 10.000.000 đồng/ tấn; gạch sao 12 lô AL₂O₃:>65% với giá 9.000.000 đồng/ tấn; gạch sao 12 lô AL₂O₃:>255% với giá 7.000.000 đồng/ tấn). Tổng giá trị đơn hàng theo hợp đồng số 05122014/VC-TN là: 5.522.045.430 đồng. Công ty Vật liệu c 1 đã giao hàng và xuất các hóa đơn cho từng đợt giao hàng tương ứng (hóa đơn số 0001169 ngày 30/03/2015 trị giá 385.765.160 đồng; hóa đơn số 0001256 ngày 30/04/2015 trị giá 1.581.085.440 đồng; hóa đơn số 0001348 ngày 31/05/2015 trị

giá 2.977.773.700 đồng; hóa đơn số 0001429 ngày 30/06/2015 trị giá 197.618.960 đồng). Tổng giá trị hàng hóa Công ty Vật liệu c l đã giao cho Công ty Thép Toàn T2 theo hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ký ngày 05/12/2014 là 5.142.243.260 đồng. Ngày 19/12/2014, Công ty Thép Toàn T2 đã thanh toán tiền tạm ứng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN là: 1.100.000.000 đồng, ngày 08/05/2015 thanh toán 1.600.000.000 đồng. Ngày 26/08/2015, Công ty Thép Toàn T2 đã trả lại cho Công ty Vật liệu c l số hàng do không đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng trị giá: 26.487.120 đồng. Sau khi trừ đi số tiền Công ty Thép Toàn T2 đã thanh toán và trả lại hàng thì số tiền Công ty Thép Toàn T2 còn nợ Công ty Vật liệu c l theo hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ký ngày 05/12/2014 là: 2.415.756.140 đồng. Số nợ trên được xác định phát sinh từ hóa đơn số 0001429 ngày 30/06/2015 và hóa đơn số 0001348 ngày 31/05/2015.

Vì số nợ quá hạn, Công ty Vật liệu c l nhiều lần đề nghị Công ty Thép Toàn T2 thanh toán, nhưng Công ty Thép Toàn T2 lấy lý do về chất lượng hàng hóa của Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN, không thanh toán hết số tiền còn nợ. Công ty Vật liệu c l Thái Nguyên yêu cầu Toà án giải quyết:

- Buộc Công ty Thép Toàn T2 thanh toán cho Công ty Vật liệu c l toàn bộ số tiền mua hàng chưa thanh toán là: 2.629.087.280 đồng (gồm cả 213.331.140 đồng theo Hợp đồng mua bán số 18/12-2014/VCMG-TT ngày 18/12/2014 và hợp đồng số 15/04-2015/VCMG-TT ngày 15/4/2015, công nợ phát sinh từ 02 hóa đơn số 0000881 và 0001231).

- Yêu cầu tính lãi do Công ty Thép Toàn T2 chậm thanh toán, mức lãi chậm thanh toán được tính bằng lãi suất cơ bản Ngân hàng Nhà nước quy định tại thời điểm Công ty Vật liệu c l tính lãi chậm thanh toán là 9%/ năm. Tổng số tiền lãi yêu cầu thanh toán tính đến ngày khởi kiện là: 420.920.107 đồng. Cụ thể: Thời điểm bắt đầu tính lãi đối với Hợp đồng 18/12-2014/VCMG-TT và hóa đơn số 0000881 ngày 23/12/2014 đến ngày khởi kiện là 26 tháng, tiền lãi là: 31.537.077 đồng. Thời điểm bắt đầu tính lãi đối với Hợp đồng 15/4-2015/VCMG-TT và hóa đơn số 0001231 ngày 22/04/2015 đến ngày khởi kiện là 23 tháng, tiền lãi là: 8.901.438 đồng. Thời điểm bắt đầu tính lãi đối với Hợp đồng 05122014/VC-TN và hóa đơn số 0001429 ngày 30/06/2015 và hóa đơn số 0001348 ngày 31/05/2015 đến ngày khởi kiện là 21 tháng, tiền lãi là: 380.481.592 đồng.

Tổng số tiền yêu cầu thanh toán (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) là: 2.629.087.280 đồng + 420.920.107 đồng = 3.050.007.387 đồng.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi đối với số tiền nợ gốc là 9%/ năm cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Bị đơn trình bày: Về quá trình thực hiện giao kết hợp đồng, giao nhận hàng hóa theo các hợp đồng đã ký kết giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên với Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 đúng như phía nguyên đơn đã trình bày.

Đối với Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ngày 05/12/2014 với 03 loại sản phẩm là gạch chịu lửa AL₂O₃: >55%, 65%; gạch chịu lửa cao nhôm Al₂O₃: > 70% và gạch chịu lửa samot A: Al₂O₃ > 42%, tổng giá trị Hợp đồng là 5.522.045.430 đồng. Sau đó, hai bên đã ký tiếp các phụ lục Hợp đồng số 01, 02

và 03/ 05122014 PLHĐ vào các ngày 01/3, 11/5 và 15/7/2015, đây là mặt hàng có độ an toàn cao, đòi hỏi phải theo các tiêu chuẩn kỹ thuật và mẫu bản vẽ kích thước theo quy cách của bên mua cho từng loại sản phẩm theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng nêu trên. Trong nội dung hợp đồng nêu rõ hình thức, thời gian, chất lượng và điều kiện giao nhận: Thời gian bắt đầu từ ngày 20/01/2015, kéo dài không quá 20 ngày (10/02/2015) thành 2 đợt. Số lượng đợt 1: 50%, đợt 2: 50%. Chất lượng hàng hóa là chất lượng thể hiện trong Phiếu kiểm tra chất lượng của bên thứ 3 phát hành phù hợp với quy định về quy cách, chất lượng hàng hóa thể hiện trong Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng. Trong trường hợp các thành phần chính của hàng hóa không đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại Điều 1 và 2 của Hợp đồng (theo Giấy chứng nhận chất lượng của Viện Khoa học Công nghệ V 1 xây dựng Việt Nam), nếu bên mua vẫn dùng được để sản xuất thì hai bên sẽ bàn bạc để giảm giá trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp hàng giao không đảm bảo chất lượng để sản xuất, bên mua có quyền từ chối nhận hàng, chi phí liên quan đến việc trả hàng hóa do bên bán chịu. Về trách nhiệm của bên mua: Cử người nhận và kiểm tra hàng, nhận hết toàn bộ hàng hóa bên bán sản xuất theo hợp đồng vì đây là sản phẩm sản xuất theo bản vẽ. Về trách nhiệm của bên bán: Sản xuất và cung cấp cho bên mua đảm bảo số lượng, chất lượng theo đúng các điều kiện và điều khoản của hợp đồng; giao hàng theo đúng tiến độ như Điều 3 của Hợp đồng, cung cấp cho bên A đầy đủ chứng từ thanh toán (Hoá đơn thuế GTGT, Biên bản giao nhận hàng hóa, Giấy chứng nhận chất lượng do Viện Khoa học công nghệ v 1 xây dựng Việt Nam cấp). Thực hiện Hợp đồng, bên mua đã 05 lần nhận hàng với số lượng là: 690.644 kg, tương đương số tiền 5.142.243.260 đồng. Đã thanh toán cho bên bán tổng số tiền là: 2.700.000.000 đồng, số tiền còn lại theo hợp đồng bên mua đã mở bảo lãnh thanh toán tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Nam Thái Nguyên cho bên bán.

Tuy nhiên, bên bán đã giao hàng chậm cho Công ty Thép Toàn T2. Cụ thể: Đợt 1 giao ngày 26/3/2015, đợt 2 giao ngày 29/4/2015, đợt 3 giao ngày 31/05/2015, đợt 4 giao ngày 30/6/2015, đợt 5 giao ngày 01/8/2015. Để đáp ứng kế hoạch sản xuất của Công ty trong năm 2015, nên ngay sau khi bên bán giao hàng, bên mua đã đưa vào xây lò để kịp thời sản xuất, đồng thời hai bên đã tiến hành lấy mẫu kiểm tra chất lượng hàng tại Viện khoa học Công nghệ V 1 xây dựng Việt Nam theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng (tổng cộng là 11 mẫu theo Biên bản ngày 29/06/2015). Đến ngày 31/08/2015, bên bán mới giao cho bên mua Phiếu kết quả thử nghiệm của Viện V 1 xây dựng về 11 mẫu gạch này. Về thời gian: Biên bản lấy mẫu ngày 29/6/2015, Phiếu kiểm định chất lượng ghi ngày 24/7/2015 và 27/7/2015, nhưng đến ngày 31/8/2015 (sau hơn một tháng có kết quả kiểm định) bên bán mới cung cấp Phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng cho bên mua. Sau khi nhận Phiếu kết quả thử nghiệm, bên mua thực hiện kiểm tra chất lượng để thanh toán cho bên bán thì phát hiện bằng mắt thường đã thấy hầu hết các Phiếu kết quả này đã bị tẩy xóa, cố tình sửa lại các kết quả để đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật theo Hợp đồng mà hai bên đã ký. Ngay khi phát hiện ra, bên mua đã trao đổi với bên bán thì Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên đã từ chối và cam kết rằng không có việc tẩy xóa, nên Công ty Thép Toàn T2 đã nhờ Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên giám định, theo Kết luận giám định

số 108/GĐTL PC54 ngày 16/09/2015, kết quả cho thấy các tiêu chuẩn chất lượng đều đã bị tẩy xóa, Công ty Thép Toàn T2 đã có ý kiến với Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên. Ngày 7/9/2015, Công ty Vật liệu c 1 có Văn bản số 335/VC-TN, nội dung: Hai bên thống nhất sẽ giải quyết dứt điểm vấn đề chất lượng lô hàng sản phẩm của hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN trong tháng 9 năm 2015, đồng ý tạm dừng thanh toán số tiền 2.415.756.140 đồng cho đến khi hai bên có sự thống nhất về kết quả phân tích chất lượng sản phẩm của Hợp đồng mua bán số 05122014. Sau khi nhận được văn bản số 335/VC-TN, Công ty Thép Toàn T2 đã có văn bản số 25/CV-TTS ngày 02/10/2015 gửi Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên phản ánh nội dung nêu trên trong đó đã làm rõ các vấn đề: Theo thông tin không chính thức từ bộ phận kỹ thuật của Quý Công ty thì các sản phẩm gạch chịu lửa đều dưới mức tiêu chuẩn cho phép khoảng trên, dưới 10%. Việc cố tình làm giả, sửa chữa các Phiếu kết quả thử nghiệm đã khẳng định hầu hết sản phẩm gạch chịu lửa mà Quý Công ty bán cho chúng tôi đều dưới mức tiêu chuẩn kỹ thuật cho phép; gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng, độ bền của lò mà chúng tôi xây dựng, ảnh hưởng đến chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật mà Công ty chúng tôi sản xuất,...Việc cố tình làm giả, không đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa và sửa chữa vào các Phiếu kết quả thử nghiệm do cơ quan Nhà nước ấn hành là sai phạm hết sức nghiêm trọng,.. Công ty Thép Toàn T2 đề nghị Quý Công ty thu hồi toàn bộ sản phẩm mà Quý Công ty đã giao cho chúng tôi theo Hợp đồng nói trên, trường hợp sản phẩm đã đưa vào xây lò thì Quý Công ty tự phá dỡ để thu hồi, chi phí phá dỡ lò để thu hồi do Quý Công ty tự chi trả;.. Quý Công ty phải hoàn trả, thanh toán và bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 với tổng số tiền là 9.165.716.862 đồng. Sau đó, Công ty Vật liệu c 1 đã có văn bản số 382/CV-TN ngày 07/10/2015, đề xuất 02 phương án: Lấy lại kết quả vật liệu mẫu ký gửi còn lưu trữ tại Viện Khoa học v 1 xây dựng hoặc hai bên tổ chức lấy lại mẫu và tiến hành phân tích lại. Tạm dừng thanh toán số tiền 2.415.756.140 đồng cho đến khi hai bên có kết quả phân tích. Đề nghị Công ty Thép Toàn T2 đưa lò vào vận hành và cam kết về chất lượng sản phẩm, bảo hành chất lượng sản phẩm và cung cấp thư bảo lãnh sản phẩm có giá trị 10% giá trị hàng hóa đã cấp cho Công ty Thép Toàn T2 trong vòng 24 tháng. Ngày 13/10/2015, Công ty Thép Toàn T2 đã tổ chức làm việc với Công ty Vật liệu c 1, tại cuộc họp Công ty Thép Toàn T2 tiếp tục phản ánh các vấn đề nêu trên và yêu cầu Công ty Vật liệu c 1 tự tháo dỡ sản phẩm vật liệu đã xây dựng và chịu các chi phí cho Công ty Thép Toàn T2 vì các lý do: Theo thiết kế tuổi thọ của lò cao tối thiểu từ 05 năm đến 10 năm; tuổi thọ lò gió nóng tính ổn định cao, xây dựng lò gió nóng rất tốn kém, nếu chất lượng gạch không đảm bảo thì chất lượng công trình không đảm bảo, gây ra sự cố sập là sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Tuy nhiên, Công ty Vật liệu c 1 không nhất trí, cam kết đảm bảo chất lượng sản phẩm, đề nghị Công ty Thép Toàn T2 đi vào hoạt động và sẽ liên hệ lấy lại Phiếu kết quả phân tích mẫu trước ngày 16/10/2015. Sau khi Công ty Vật liệu c 1 cung cấp Phiếu kết quả phân tích lần 02. Theo kết quả phân tích thì chất lượng sản phẩm gạch cao nhôm AL203 giảm hàm lượng so với quy định hợp đồng hơn 7-13%. Xác định nếu đưa số lượng gạch không đạt chất lượng nêu trên vào vận hành, sử dụng thì ảnh hưởng rất lớn đến kinh tế của Công ty, đến an toàn lao động, Công

ty Thép Toàn T2 đã tổ chức cuộc họp vào ngày 20/10/2015, nêu phương án xử lý vi phạm về chất lượng gạch của Công ty Vật liệu c 1: Công ty Thép Toàn T2 tổ chức đưa vận hành sản xuất lò đứng luyện xỉ giàu MG 55 và 02 lò gió nóng trên với điều kiện bên Công ty Vật liệu c 1 có trách nhiệm thanh toán những thiệt hại về kinh tế cho Công ty Thép Toàn T2 và thanh lý hợp đồng trước khi đưa vào sử dụng hạn chậm nhất trước 30/10/2015. Theo thiết kế là đang có tuổi thọ lớn hơn 04 năm, là gió nóng lớn hơn 10 năm. Với việc sử dụng gạch kém chất lượng nên trên qua tham khảo, tính toán lý thuyết tuổi là đúng chỉ khoảng 01 năm, lò gió nóng 03 năm. Chất lượng gạch tuổi thọ giảm 75% giá trị sử dụng, yêu cầu bên Công ty Vật liệu c 1 thanh toán các chi phí thiệt hại chất lượng gạch kém chất lượng và chi phí nhân công, các chi phí vật liệu, chi phí chung mà Công ty Thép Toàn T2 đã bỏ ra để xây dựng lò, các chi phí tài chính trong quá trình tháo dỡ, xây mới. Tuy nhiên, Công ty Vật liệu c 1 không đồng ý, đề nghị tính toán lại thời gian tuổi lò, tính toán theo sản lượng là giảm hàm lượng nhôm hoặc tính theo sản lượng gang trên đời lò, bên Công ty Thép Toàn T2 tạm thời giữ một lượng tiền cho đến khi phải dừng lò sửa chữa, khi đó tính toán gang đạt được trong quá trình sản xuất làm căn cứ tính các chi phí thiệt hại do Công ty Vật liệu c 1 chịu trách nhiệm đối với riêng phần gạch chịu lửa. Do hai bên vẫn chưa thống nhất được phương án giải quyết, ngày 01/11/2015 Công ty Vật liệu c 1 có Văn bản số 417/CV-TN, đề nghị xin giảm trừ thành phần nhôm không đạt quy định tại hợp đồng là cứ 1% hàm lượng nhôm không đạt thì giảm giá thành thanh toán 1% (đã bao gồm cả thuế VAT). Sau khi nhận được Văn bản số 417/CV-TN, Công ty Thép Toàn T2 đã có Văn bản số 28/CV-TTg ngày 4/11/2015 nêu rõ quan điểm và cách giải quyết của Công ty Thép Toàn T2 là giữ nguyên quan điểm giải quyết tại Công văn số 25/CV-TTS ngày 02/10/2015.

Do Công ty Cổ phần Vật liệu c 1 đề nghị đưa lò vào sản xuất và cam kết đảm bảo chất lượng, bảo hành và tạm thời giữ lại một lượng tiền cho đến khi dừng lò để sửa chữa sau này sẽ chịu thiệt hại và xét thấy nếu phá lò thì thiệt hại quá lớn đồng thời để đảm bảo sản xuất kinh doanh, Công ty Thép Toàn T2 đã đưa lò vào vận hành. Tuy nhiên, lò mới vận hành được khoảng hơn 01 tháng thì phải dừng lò để khắc phục, sửa chữa, Công ty Thép Toàn T2 đã thông báo cho Công ty Vật liệu c 1 để biết và kiểm tra hiện trạng lò, đề nghị tiếp tục giải quyết tranh chấp hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty Vật liệu c 1 không đến, buộc Công ty Thép Toàn T2 phải tự sửa chữa, nhưng chỉ được 02 lần. Đến tháng 12/2016 thì lò đứng bị hỏng hoàn toàn, Công ty Thép Toàn T2 có mời nhưng Công ty Vật liệu c 1 không đến, buộc Công ty Thép Toàn T2 phải dừng và lập biên bản hiện trường, xác định nguyên nhân, sau đó phá dỡ để xây lò mới kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh. Theo quan điểm của Công ty Thép Toàn T2 đã cảnh báo và dự báo ngay từ đầu là gạch chịu lửa không đảm bảo chất lượng sẽ gây hỏng lò đã xảy ra, trách nhiệm này thuộc về Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên. Tuy nhiên, ngày 16/3/2016, Công ty Vật liệu c 1 có Văn bản số 115/CV/VC-TN, ý kiến Công ty Thép Toàn T2 vi phạm hợp đồng khi chưa thanh toán số tiền còn lại cho Công ty Vật liệu c 1, việc đơn phương tự ý đưa sản phẩm Vật liệu c 1 vào sử dụng là vi phạm Điều 3 của hợp đồng. Theo Công ty Thép Toàn T2 việc này lẽ ra là quyền của Công ty Thép Toàn T2 về vấn đề chất lượng sản phẩm đang gây thiệt hại vô cùng lớn. Công ty

Thép Toàn T2 là bên đơn vị nhận sản phẩm nhưng bên bán không những không đảm bảo thời gian, chất lượng theo yêu cầu và cam kết trong Hợp đồng và có căn cứ cho rằng người bên Công ty Vật liệu c l còn có hành vi tẩy xóa, sửa chữa nhằm lừa dối khách hàng với đối tác là Công ty Thép Toàn T2. Việc cung cấp gạch chậm, không đảm bảo chất lượng theo cam kết của Hợp đồng đã làm chậm kế hoạch sản xuất, Công ty Thép Toàn T2 vừa phải xây lò, vừa phải chờ gạch, khi có gạch phải đưa ngay vào xây dựng lò, gạch không đảm bảo chất lượng đã gây thiệt hại rất lớn về kinh tế cho Công ty Thép Toàn T2.

Với nội dung nêu trên, tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM - ST ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

** Căn cứ: Các Điều 30,35,39, 40; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 428, 430, 432, Điều 438, Điều 439, khoản 1 Điều 440; Điều 604, 605, 608, 617 Bộ Luật Dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 39, Điều 42, Điều 44, Điều 50, Điều 55, Điều 57, Điều 302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005. Điều 18 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa năm 2007. Luật Phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên và yêu cầu phản tố của Cổ phần Thép Toàn T2:

1.1. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên:

1.1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên về việc buộc Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán số 18/12-2014/VCMG - TT ngày 18/12/2014, hóa đơn số 0000881 với số tiền nợ gốc phải thanh toán là 161.728.600 đồng, lãi suất tính từ ngày 23/12/2014 đến ngày xét xử 09/6/2022 là 108.668.326 đồng và Hợp đồng mua bán số 15/4-2015/VCMG - TT ngày 15/04/2015, hóa đơn số 0001231 với số tiền nợ gốc phải thanh toán là 51.602.540 đồng, lãi suất tính từ ngày 22/4/2015 đến ngày xét xử 09/6/2022 là 33.145.797 đồng. Tổng số tiền nợ gốc là: 213.331.140 đồng và lãi suất chậm thanh toán là 141.814.123 đồng, tổng cộng là: 355.145.263 đồng.

1.1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải thanh toán tiền hàng theo Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ngày 05/12/2014. Cụ thể theo hóa đơn số 0001169 ngày 30/03/2015 với giá trị 385.765.160 đồng; hóa đơn số 0001256 ngày 30/04/2015 với giá trị 1.581.085.440 đồng; hóa đơn số 0001348 ngày 31/05/2015 với giá trị 2.977.773.700 đồng; hóa đơn số 0001429 ngày 30/06/2015 với giá trị 197.618.960 đồng. Tổng giá trị hàng hóa Công ty Vật liệu c l đã giao cho Công ty Thép Toàn T2 theo hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ký ngày 05/12/2014 là 5.142.243.260 đồng: Buộc Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải thanh toán 90% số tiền tổng giá trị hàng hóa Công ty Vật liệu c l đã giao

cho Công ty Thép Toàn T2 theo thực tế giá trị hàng hóa hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ký ngày 05/12/2014: $5.142.243.260 \text{ đồng} \times 90\% = 4.628.018.934 \text{ đồng}$.

Trừ đi số tiền Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 đã thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên: $1.100.000.000 \text{ đồng} + 1.600.000.000 \text{ đồng}$ và giá trị số hàng ngày 26/08/2015 Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 đã trả lại cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên là: $26.487.120 \text{ đồng}$. Tổng $1.600.000.000 \text{ đồng} + 1.100.000.000 \text{ đồng} + 26.487.120 \text{ đồng} = 2.726.487.120 \text{ đồng}$.

Số tiền Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên là: $4.628.018.934 \text{ đồng} - 2.726.487.120 \text{ đồng} = 1.901.531.814 \text{ đồng}$.

1.2. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Thép Toàn T2: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Thép Toàn T2, buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên phải bồi thường 1/3 giá trị thiệt hại tài sản theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Thép Toàn T2: $4.033.697.811 \text{ đồng} / 3 = 1.344.565.937 \text{ đồng}$.

1.3. Đối trừ số tiền Công ty Cổ phần Tập đoàn c l Thái Nguyên phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 là $1.344.565.937 \text{ đồng}$ với số tiền Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 còn phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên theo thực tế thực hiện Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ngày 05/12/2014, các hóa đơn số 0001169, số 0001256, số 0001348 và số 0001429 ngày 30/06/2015 với giá trị $197.618.960 \text{ đồng}$ là $1.901.531.814 \text{ đồng} - 1.344.565.937 \text{ đồng} = 556.965.877 \text{ đồng}$.

Công ty Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải chịu lãi xuất mức lãi suất 9%/01 năm (tương ứng: 0,75%/01 tháng) kể từ ngày 31/8/2015 đến thời điểm xét xử (09/6/2022), tính tròn 81 tháng: $556.965.877 \text{ đồng} \times 0,75\% / 01 \text{ tháng} \times 81 \text{ tháng} = 338.356.770 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tập đoàn c l Thái Nguyên là: $556.965.877 \text{ đồng} + 338.356.770 \text{ đồng} = 895.322.647 \text{ đồng}$.

* Tổng số tiền Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải thanh toán, trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn c l Thái Nguyên là: $355.145.263 \text{ đồng} + 895.322.647 \text{ đồng} = 1.250.467.910 \text{ đồng}$ (bằng chữ: một tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm mười đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

2.1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên phải chịu án phí trên phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên không được Tòa án chấp nhận và án phí trên phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 được Tòa án chấp nhận là 92.640.000 đồng.

Được trừ số tiền 46.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010693 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên còn phải tiếp tục nộp 46.140.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Công ty Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải chịu án phí trên phần yêu cầu khởi kiện của Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên được Tòa án chấp nhận và phần yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 không được Tòa án chấp nhận là 112.945.808 đồng.

Được trừ số tiền 56.016.848 đồng đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0010830 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên còn phải tiếp tục nộp 56.928.960 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/6/2022 Toà án nhận được đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần Thép Toàn T2, nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Yêu cầu công ty cổ phần tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên cung cấp: Giấy chứng nhận chất lượng do Viện khoa học v l xây dựng Việt Nam cấp để làm căn cứ, chứng từ thanh toán theo quy định của hợp đồng và bồi thường thiệt hại cho công ty cổ phần thép Toàn T2.

- Đề nghị sửa án sơ thẩm, yêu cầu công ty cổ phần tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên bồi thường thiệt hại số tiền: 4.033.697.811 đồng cho công ty cổ phần thép Toàn T2 và lãi suất 8% (tính từ ngày có đơn phản tố từ tháng 12/2017 đến khi xét xử sơ thẩm).

- Ngày 23/6/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công kháng nghị bản án số 01/2022/KDTM-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên theo hướng hủy toàn bộ bản án nêu trên, giao cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà phúc thẩm nguyên đơn là Công ty cổ phần tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên và bị đơn Công ty cổ phần thép Toàn T 2 thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận như sau:

- Công ty cổ phần thép Toàn T 2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên số tiền là: 555.145.263đ (Năm trăm năm mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng), trong đó:

+ Số tiền theo hợp đồng mua bán số 18/12-2014/VCMG - TT ngày 18/12/2014 là 161.728.600đ (Một trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm đồng); số tiền theo hợp đồng mua bán số 15/4-2015/VCMG - TT ngày 15/04/2015 là 51.602.540đ (Năm mươi một triệu, sáu trăm linh hai nghìn, năm trăm bốn mươi đồng). Tổng số tiền gốc là 213.331.140đ (Hai trăm

mười ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, một trăm bốn mươi đồng. Tiền lãi là: 141.814.123đ (Một trăm bốn mươi một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, một trăm hai mươi ba đồng)

+ Số tiền gốc theo Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ngày 05/12/2014) là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng).

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và bị đơn trình bày: Việc thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật về quyền tự định đoạt của các đương sự. Do vậy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên rút một phần kháng nghị về nội dung bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng do Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục được, giữ nguyên phần kháng nghị về nội dung. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM -ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ngày 18/12/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn Vật liệu c 1 Thái Nguyên ký Hợp đồng mua bán số 18/12-2014/VCMG - TT với Công ty Cổ phần Thép Toàn T2, bán cho Công ty Thép Toàn T2 mặt hàng: Gạch MgO-C MT 14A sử dụng cho 01 đời lò LF với số lượng tạm tính là 10,305 tấn, giá 16.300.000 đồng/tấn. Số lượng trên là số lượng tạm tính, còn Công ty Thép Toàn T2 sẽ thanh toán cho Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên theo trọng lượng, số lượng thực tế giao nhận. Ngày 23/12/2014, Công ty Vật liệu c 1 đã xuất hóa đơn số 0000881 và giao hàng theo Hợp đồng số 18/12-2014/VCMG - TT ngày 18/12/2014 với số lượng hàng là 9,020 tấn, đơn giá 16.300.000 đồng/ tấn. Tổng giá trị của đơn hàng là 161.728.600 đồng. Ngày 15/04/2015, Công ty Vật liệu c 1 ký Hợp đồng mua bán số 15/4-2015/VCMG - TT với Công ty Thép Toàn T2, bán cho Công ty Thép Toàn T2 mặt hàng: Gạch MgO-C MT 14A sử dụng cho 01 đời lò IF với số lượng tạm tính là 2,952 tấn, giá 16.300.000 đồng/ tấn. Số lượng trên là số lượng tạm tính còn Công ty Thép Toàn T2 sẽ thanh toán cho Công ty Vật liệu c 1 Thái Nguyên theo trọng lượng, số lượng thực tế giao nhận. Ngày 22/04/2015, Công ty Vật liệu c 1 đã xuất hóa đơn số 0001231 và giao hàng theo hợp đồng số 15/4-

2015/VCMG - TT ngày 15/4/2015 với số lượng hàng là 2,878 tấn, đơn giá 16.300.000 đồng/ tấn. Tổng giá trị của đơn hàng là 51.602.540 đồng. Ngày 13/04/2017, đại diện Công ty Thép Toàn T2 ký xác nhận đối chiếu công nợ phát sinh từ 02 hóa đơn số 0000881 và 0001231 là: 213.331.149 đồng.

[2.2] Ngày 05/12/2014, Công ty Vật liệu c 1 ký Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN với Công ty Thép Toàn T2 về việc Công ty Vật liệu c 1 bán cho Công ty Thép Toàn T2 mặt hàng: Gạch chịu lửa cao nhôm AL₂O₃:> 55% với giá 6.700.000 đồng/ tấn và gạch chịu lửa cao nhôm AL₂O₃:>70% với giá 8.900.000 đồng/ tấn; gạch chịu lửa samot A: AL₂O₃ -> 42% (trong đó: Loại G4, G6, H20, H21 với giá 3.800.000 đồng/ tấn và gạch sao 12 lô AL₂O₃->70% với giá 10.000.000 đồng/ tấn; gạch sao 12 lô AL₂O₃:>65% với giá 9.000.000 đồng/ tấn; gạch sao 12 lô AL₂O₃:255% với giá 7.000.000 đồng/ tấn). Tổng giá trị đơn hàng theo hợp đồng số 05122014/VC-TN là: 5.522.045.430 đồng. Công ty Vật liệu c 1 đã giao hàng và xuất các hóa đơn cho từng đợt giao hàng tương ứng. Tổng giá trị hàng hóa Công ty Vật liệu c 1 đã giao cho Công ty Thép Toàn T2 theo hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ký ngày 05/12/2014 là 5.142.243.260đ. Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 đã thanh toán cho Công ty Vật liệu c 1 2.726.487.120đ.

[2.3] Công ty Cổ phần tập đoàn Vật liệu c1 Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 là hai doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật có đầy đủ năng lực để tham gia giao dịch; Các bên thỏa thuận rõ về chủng loại, khối lượng, quy cách hàng hóa; quy cách, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm; thời gian và điều kiện giao nhận hàng, địa điểm giao hàng, chất lượng hàng hóa; phương thức, thời gian thanh toán; trách nhiệm của mỗi bên. Hợp đồng được giao kết trên cơ sở tự nguyện, được ký bởi người đại diện theo pháp luật của mỗi công ty, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hai bên đều thừa nhận; phù hợp với các quy định từ Điều 428 đến Điều 434 Bộ luật dân sự 2005. Do vậy các Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3] Tại phiên toà, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của họ. Xét thấy việc các đương sự thoả thuận là tự nguyện, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận nội dung thoả thuận của các đương sự.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật được trả lại toàn bộ án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 302, 305, 306 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xứ:

I. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công và chấp nhận việc rút một phần kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh Thái Nguyên đối với kháng nghị số 01/2022/KDTM-ST ngày 23/6/2022.

II. Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/KDTM-ST ngày 09 tháng 06 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, do các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

III. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

1. Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên tổng số tiền là: **555.145.263đ** (*Năm trăm năm mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi lăm nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó:

- 161.728.600đ (*Một trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, sáu trăm đồng*) theo hợp đồng mua bán số 18/12-2014/VCMG-TT ngày 18/12/2014 và 51.602.540đ (*Năm mươi một triệu, sáu trăm linh hai nghìn, năm trăm bốn mươi đồng*) theo hợp đồng mua bán số 15/4-2015/VCMG - TT ngày 15/04/2015. Tổng số tiền gốc là 213.331.140đ (*Hai trăm mười ba triệu, ba trăm ba mươi một nghìn, một trăm bốn mươi đồng*) và 141.814.123đ (*Một trăm bốn mươi một triệu, tám trăm mười bốn nghìn, một trăm hai mươi ba đồng*) tiền lãi.

- 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) tiền gốc theo Hợp đồng mua bán số 05122014/VC-TN ngày 05/12/2014).

2. **Nghĩa vụ thi hành án:** Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chậm thi hành án, thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

3. **Về án phí:**

- *Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

+ Công ty cổ phần tập đoàn Vật liệu c l Thái Nguyên phải chịu số tiền **13.102.905đ** (*mười ba triệu, một trăm linh hai nghìn, chín trăm linh năm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được hoàn lại số tiền **33.397.095đ** (*ba mươi ba triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, không trăm chín mươi lăm đồng*) theo biên lai thu số 0010693 ngày 12/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

+ Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 phải chịu số tiền **13.102.905đ** (*mười ba triệu, một trăm linh hai nghìn, chín trăm linh năm đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được hoàn lại số tiền **42.913.943đ** (*Bốn mươi ba triệu, chín trăm mười ba nghìn, chín trăm bốn mươi ba đồng*) theo biên lai thu số 0010830 ngày 15/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- *Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:* Công ty Cổ phần Thép Toàn T2 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty cổ phần thép Toàn T 2 **2.000.000đ** (*Hai triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí kinh doanh

thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001629 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Các bên đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND TP. Sông Công;
- THADS TP. Sông Công;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Lý